



mù nǎi yī
木乃伊

noun · mummy

Example Sentences

bó wù guǎn lǐ zhǎn chū le yī jù gǔ āi jí mù nǎi yī
博 物 馆 里 展 出 了 一 具 古 埃 及 木 乃 伊。

The museum exhibited an ancient Egyptian mummy.

diàn yǐng lǐ yǒu hěn duō guān yú mù nǎi yī de gù shì
电 影 里 有 很 多 关 于 木 乃 伊 的 故 事。

There are many stories about mummies in movies.

Trace each character, then write the word on your own.

木	木	木	木	木	木	木								
乃	乃	乃	乃	乃										
伊	伊	伊	伊	伊	伊	伊	伊	伊						